

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu học phí, hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu học phí, hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành

Việc thu học phí trên địa bàn tỉnh cho đến năm học 2022-2023 hiện đang được thực hiện theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh gồm: Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 về Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.

Ngày 27/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Tại điểm a, khoản 2 Điều 9 Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khung học phí (mức sàn - mức trần) do Chính phủ quy định để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền; khoản 2 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng

và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập tại địa phương”.

Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023 của về việc Thông báo kết luận của Phó thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp về vấn đề học phí và sách giáo khoa cho năm học mới, đã nêu “...*cấp bù cho phần học phí tăng thêm của mầm non, phổ thông công lập đối với các nhóm đối tượng chính sách, khó khăn, yếu thế*”.

Do vậy, căn cứ các hướng dẫn tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP và quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc xây dựng và trình HĐND tỉnh Nghị quyết quy định mức thu học phí, hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và xây dựng tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh là cần thiết vừa để thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước, vừa để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Trình Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu học phí, hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và thực thi các chế độ, chính sách học phí theo Nghị định, hướng dẫn của Chính phủ đã ban hành.

2. Quan điểm

Xây dựng mức thu học phí, hỗ trợ học phí và tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập của tỉnh đảm bảo tuân thủ các quy định của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương tỉnh Đồng Nai và đảm bảo tính khả thi.

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nghị định hướng dẫn có liên quan.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

b) Quy định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định;

c) Quy định tiêu chí xác định địa bàn xã, phường, thị trấn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

d) Quy định về hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên học văn hóa hệ công lập.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên đang học ở các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Học sinh tiểu học ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập đi học ở các trường tư thục;

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục có giảng dạy cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh;

d) Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1:

Quy định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (được xây dựng theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

a) Mục tiêu của chính sách

Đảm bảo cơ sở pháp lý cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập xác định được mức thu học phí và thực hiện thu học phí ở năm học 2023-2024 phù hợp với quy định của pháp luật và thống nhất trên địa bàn tỉnh

b) Nội dung của chính sách

Xác định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập.

2. Chính sách 2:

Quy định tiêu chí xác định các địa bàn xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh không đủ trường tiểu học công lập (được xây dựng theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

a) Mục tiêu của chính sách

Làm rõ được tiêu chí để xác định địa bàn cấp xã không đủ trường tiểu học công lập để làm căn cứ thực hiện hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học ở

các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập đi học tại các trường tư thục theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

b) Nội dung của chính sách

Xác định được tiêu chí xác định các địa bàn xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh không đủ trường tiểu học công lập

3. Chính sách 3:

Hỗ trợ học phí cho một số đối tượng khó khăn, đặc thù của tỉnh đang học ở mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và học viên học văn hóa hệ GDTX công lập trên địa bàn tỉnh (chính sách đặc thù được xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

a) Mục tiêu của chính sách

Góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, thể hiện sự chăm lo đời sống đối với người dân nhất là ở các nhóm yếu thế, nhóm có tính chất đặc thù của tỉnh trong lĩnh vực giáo dục. Giảm áp lực về đóng góp học phí cho các nhóm đối tượng yếu thế, nhóm có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Đảm bảo chính sách học phí trên địa bàn tỉnh đi vào cuộc sống và không gây khó khăn trong việc đóng góp đối với các nhóm yếu thế, nhóm đặc thù.

b) Nội dung của chính sách

+ Đối tượng được hỗ trợ:

- Trẻ mầm non, học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông hệ công lập đang theo học tại cơ sở giáo dục có trụ sở đặt tại các xã khu vực I tỉnh Đồng Nai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 (Đối tượng 1).

- Trẻ mầm non, học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, học viên học văn hóa tại các GDTX hệ công lập là con công nhân làm việc ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Đối tượng 2).

- Trẻ mầm non, học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông hệ công lập là con của hộ gia đình có cha, mẹ thuộc trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Chính phủ (Đối tượng 3).

- Trẻ em học mầm non, học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, học viên học văn hóa tại các GDTX hệ công lập thuộc trường hợp được giảm học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Đối tượng 4).

- Trẻ em mầm non, học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, học viên học văn hóa tại các GDTX hệ công lập thuộc trường hợp mồ côi cha hoặc mẹ (Đối tượng 5).

+ Mức hỗ trợ học phí năm học 2023-2024

ĐVT: đồng/học sinh/tháng

Đối tượng	Mầm non	Giáo dục phổ thông		GDTX (dạy văn hóa)	
		THCS	THPT	TIICS	THPT
1. Đối tượng 1	25	30	75	30	75
2. Đối tượng 2, Đối tượng 3					
- Thành thị	180	225	180	225	180
- Nông thôn	25	55	125	55	125
3. Đối tượng 4					
- Thành thị	90	112	90	112	90
- Nông thôn	12	27	62	27	62
4. Đối tượng 5					
- Thành thị	180	225	180	225	180
- Nông thôn	25	55	125	55	125

+ Nguyên tắc hỗ trợ

- Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

- Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác.

+ Thời gian hỗ trợ

Hỗ trợ theo số tháng học tập thực tế tại các cơ sở giáo dục theo quy định, tối đa không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

+ Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các địa phương, các cơ sở giáo dục. Dự kiến số lượng và kinh phí hỗ trợ/năm như sau:

- Dự kiến số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ : 186.409 học sinh

Chia ra:

+ Học sinh tại các cơ sở giáo dục ở địa bàn khu vực I : 33.409 học sinh

- + Học sinh là đối tượng con công nhân : 105.064 học sinh
- Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ (9 tháng): : 153,7 tỷ đồng/năm
- Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí từ ngân sách tỉnh.

(chi tiết theo phụ lục số 2)

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua

a) Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

c) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HĐND TỈNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí, hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình tại kỳ họp HĐND tỉnh trong tháng 9 giữa năm 2022.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu học phí, hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Văn hóa xã hội HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, VX, TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH